

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CCĐ1 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131L017301501 - Thi t k x ấ y đ ng c ng H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY T S ấ %	ấI M TH ầ	QUY T S : 100%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3610101132	L36CCĐ1	L ầ V ầ N ẦNH	11/04/1985									0.0	0.0	0.0	
2	3610101118	L36CCĐ1	L ầ ấ C H NG ẦN	12/08/1988									8.0	8.0	8.0	
3	3610101086	L36CCĐ1	NGUY N V ầ N BÌNH	13/08/1988									6.0	6.0	6.0	
4	3610101099	L36CCĐ1	PH M TR NG CH ẦNH	25/03/1984									7.0	7.0	7.0	
5	3610101168	L36CCĐ1	TR N XU ẮN CH ẦNH	01/12/1986									0.0	0.0	0.0	
6	3610101119	L36CCĐ1	NGUY N XU ẮN DANH	18/02/1984									6.0	6.0	6.0	
7	3610101122	L36CCĐ1	NGUY N TH CH DUY	15/05/1988									0.0	0.0	0.0	
8	3610101045	L36CCĐ1	NGUY N ấ ầ NG H I	31/05/1988									8.0	8.0	8.0	
9	3610101120	L36CCĐ1	V ầ XU ẮN H U	17/04/1987									0.0	0.0	0.0	
10	3610101101	L36CCĐ1	NGUY N V ầ N HI N	25/11/1982									0.0	0.0	0.0	
11	3610101156	L36CCĐ1	TR NH PH Ề C HI N	13/10/1986									0.0	0.0	0.0	
12	3610101137	L36CCĐ1	NGUY N QU C HI U	20/01/1987									0.0	0.0	0.0	
13	3610101001	L36CCĐ1	TR N DUY HI U	20/03/1983									5.0	5.0	5.0	
14	3610101177	L36CCĐ1	NGUY N ầ C HUY	14/06/1987									0.0	0.0	0.0	
15	3610101149	L36CCĐ1	TR N V ầ N HUYNH	23/10/1990									0.0	0.0	0.0	
16	3610101159	L36CCĐ1	PH M H ỪNG	21/09/1990									6.0	6.0	6.0	
17	3610101106	L36CCĐ1	L Ề TRUNG KI ỀN	20/03/1982									7.0	7.0	7.0	
18	3610101172	L36CCĐ1	NGUY N V ầ N L NG	29/12/1989									6.0	6.0	6.0	
19	3610101124	L36CCĐ1	L Ề B Ầ M ẦO	30/11/1987									7.0	7.0	7.0	

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH I NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : L36CCĐ1 N h c : 2013-2014 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 131L017301501 - Thi t k x y d ng c ng H c km : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH I NH PH N						TBC	QUY TSTĐ %	ñ I M THI	QUY TS : 100%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3610101085	L36CCĐ1	BỄ I TI N M NH	13/09/1984									7.0	7.0	7.0	
21	3610101131	L36CCĐ1	ñ Oì N Vĩ N PHÁT	25/04/1989									0.0	0.0	0.0	
22	3610101028	L36CCĐ1	L U T N PHÁT	28/07/1989									8.0	8.0	8.0	
23	3610101054	L36CCĐ1	CAO VI T QUÝ	24/04/1989									7.0	7.0	7.0	
24	3610101074	L36CCĐ1	TR N Vĩ N QUÝ	13/04/1991									6.0	6.0	6.0	
25	3610101038	L36CCĐ1	NGUY N ã C S N	30/10/1991									6.0	6.0	6.0	
26	3610101148	L36CCĐ1	NGUY N T N S	25/08/1982									7.0	7.0	7.0	
27	3610101059	L36CCĐ1	Lé Vĩ N TÌNH	21/09/1987									6.0	6.0	6.0	
28	3610101097	L36CCĐ1	HU ¼ NH NG C TU N	10/10/1986									5.0	5.0	5.0	
29	3610101093	L36CCĐ1	PH M Vĩ N TU N	29/03/1990									5.0	5.0	5.0	
30	3610101064	L36CCĐ1	Lé Vĩ N TUYÊN	28/12/1990									7.0	7.0	7.0	
31	3610101163	L36CCĐ1	Lé TR N THANH TÙNG	01/01/1986									6.0	6.0	6.0	
32	3610101114	L36CCĐ1	ñ Vĩ N TÚ	28/05/1984									5.0	5.0	5.0	
33	3610101092	L36CCĐ1	MAI THANH THÁI	01/01/1990									8.0	8.0	8.0	
34	3610101103	L36CCĐ1	CAO Vĩ N TH NG	25/05/1989									6.0	6.0	6.0	
35	3610101083	L36CCĐ1	NGUY N Vĩ N TH NG	07/03/1988									8.0	8.0	8.0	
36	3610101107	L36CCĐ1	TR N Vĩ N THÂN	04/12/1989									0.0	0.0	0.0	
37	3610101109	L36CCĐ1	NGUY N VI T THU N	11/03/1988									7.0	7.0	7.0	
38	3610101046	L36CCĐ1	PH M THANH TH Y	06/08/1989									9.0	9.0	9.0	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : L36CCĐ1 N ấ h c : 2013-2014 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131L017301501 - Thi t k x ấ y đ ng c ng H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T ầ N	NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TST ầ %	ấ I M TH I	QUY TS : 100%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3610101170	L36CCĐ1	TR N PH C TRUNG	30/08/1988									0.0	0.0	0.0	
40	3610101096	L36CCĐ1	TR NG QU C TR N G	20/02/1986									0.0	0.0	0.0	

T ng s : 40 h c sinh sinh v ầ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

G ầ o V ầ n B M ầ n

G ầ o V Khoa